

## **BÁO GIÁ DỊCH VỤ KHO CFS – HÀNG NGUY HIỂM**

Trước tiên Công ty CP Kho vận Tân cảng xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý công ty đối với các dịch vụ của chúng tôi. Theo yêu cầu của Quý công ty, chúng tôi xin báo giá các dịch vụ như sau:

### **1. Quy định chung:**

Đơn vị trọng lượng được sử dụng để tính cước xếp dỡ hàng hoá xuất nhập kho là RT (tấn quy đổi) với tỉ lệ quy đổi như sau:

- Đối với hàng nhẹ (nghĩa là hàng có tỉ lệ thể tích (m<sup>3</sup>) trên trọng lượng (tấn thực tế) lớn hơn hoặc bằng 2) thì quy đổi 01 RT = 02m<sup>3</sup> hàng thực tế được ghi trên chứng từ xuất/nhập kho.
- Đối với hàng nặng (nghĩa là hàng có tỉ lệ thể tích (m<sup>3</sup>) trên trọng lượng (tấn thực tế) nhỏ hơn 2) thì quy đổi 01 RT = 01 tấn hàng thực tế được ghi trên chứng từ xuất/nhập kho.
- Tính tối thiểu 01 container 20' = 12RT và 1 container 40' = 18RT.  
Tính tối thiểu 01RT đối với lô hàng có trọng lượng tính cước dưới 01RT.

### **2. Cước xếp dỡ:**

- Cước xếp dỡ hàng thông thường tại kho CFS:
  - ❖ **Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/06/2023:**
    - + Cước xếp dỡ hàng nhập khẩu: **265.100 VNĐ/RT**
    - + Cước xếp dỡ hàng xuất khẩu: **196.350 VNĐ/RT**
    - ❖ **Từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023:**
      - + Cước xếp dỡ hàng nhập khẩu: **291.500 VNĐ/RT**
      - + Cước xếp dỡ hàng CFS xuất khẩu: **226.600 VNĐ/RT**
      - + Cước xếp dỡ hàng CFS xuất khẩu xuất tàu tại khu vực Cụm Cảng Cái Mép (BR-VT): **236.500 VNĐ/RT**
  - Cước xếp dỡ hàng nguy hiểm tại kho CFS:
    - Hàng nhập khẩu: **tăng 50% so với cước xếp dỡ hàng nhập khẩu thông thường.**
    - Hàng xuất khẩu/Hàng xuất khẩu xuất tàu tại khu vực Cụm Cảng Cái Mép (BR-VT): **tăng 50% so với cước xếp dỡ hàng xuất khẩu thông thường.**

### **3. Cước lưu kho:**

- **Đối với hàng nhập khẩu:**

- **Hàng nguy hiểm nhóm 1** (chỉ được phép lưu kho tại cảng 3 ngày : nhóm 2.1; 2.3; 3.1; 5.2; 6.1; 6.2; Nhóm 4.1: hàng dễ cháy nổ trên nhãn ghi “ Explosive” ; 4.3: chất phản ứng khi tiếp xúc với nước tỏa ra khí dễ cháy; 5.1: ammonium nitrate; Nhóm 8: chất ăn mòn như axit nitric với nồng độ trên 50%; nhóm 9: Polychlorinated binphenyls)

03 ngày đầu (kể từ ngày hàng nhập kho) : **30.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 04 trở đi : **150.000 VNĐ/RT-ngày.**

- **Hàng nguy hiểm nhóm 2:**

04 ngày đầu (kể từ ngày hàng nhập vào kho) : **30.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 05 đến hết ngày thứ 07 : **90.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 08 đến hết ngày thứ 10 : **120.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 11 trở đi : **150.000 VNĐ/RT-ngày.**

➤ **Đối với hàng xuất khẩu:**

- **Hàng nguy hiểm nhóm 1** (chỉ được phép lưu kho tại cảng 3 ngày : nhóm 2.1; 2.3; 3.1; 5.2; 6.1; 6.2; Nhóm 4.1: hàng dễ cháy nổ trên nhãn ghi “ Explosive” ; 4.3: chất phản ứng khi tiếp xúc với nước tỏa ra khí dễ cháy; 5.1: ammonium nitrate; Nhóm 8: chất ăn mòn như axit nitric với nồng độ trên 50%; nhóm 9: Polychlorinated binphenyls)

03 ngày đầu (kể từ ngày hàng nhập kho) : **10.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 04 trở đi : **50.000 VNĐ/RT-ngày.**

- **Hàng nguy hiểm nhóm 2:**

04 ngày đầu (kể từ ngày hàng nhập vào kho) : **10.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 05 đến hết ngày thứ 07 : **30.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 08 đến hết ngày thứ 10 : **40.000 VNĐ/RT-ngày.**

Từ ngày thứ 11 trở đi : **50.000 VNĐ/RT-ngày.**

**\* Ghi chú:**

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

- Các trường hợp phát sinh khác, sẽ do hai bên thỏa thuận trên cơ sở biểu giá hiện hành của Công ty CP Kho vận Tân cảng và Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn.

(Tham khảo thêm tại website: [tancangwarehousing.com.vn](http://tancangwarehousing.com.vn); [saigonnewport.com.vn](http://saigonnewport.com.vn))

- Báo giá trên có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.

Trân trọng kính chào!

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

## **CFS WAREHOUSE SERVICE QUOTATION – DANGEROUS GOODS**

Firstly, Tan cang Warehousing JSC. (KVTC) would like to express our sincere thanks for your requirement. As per your request, we would like to offer the below quotation:

### **1. The conversion unit for charging:**

Weight unit which is used to calculate handling charge for cargoes is RT (revenue ton) with the following conversion rate:

- *The conversion rate for light cargo* ( means that the ratio of volume (m<sup>3</sup>)/weight (actual ton) of good is equal or greater than 2) is converted as **01RT = 02 m<sup>3</sup>** the actual goods that noted in the stock delivery/receipt note.
- *The conversion rate for heavy goods* (means that the ratio of volume (m<sup>3</sup>)/weight (actual ton) of good is less than 2) is converted as **01 RT = 01 ton** of the actual goods that noted in the warehousing delivery/receipt note.

Min charge: 1 container 20' = 12RT and 1 container 40' = 18RT.  
1RT for shipment less than 1RT.

### **2. Handling charges of LCL cargoes at Cat Lai CFS warehouses:**

#### **➤ Handling of LCL normal cargoes:**

❖ From 01/01/2023 until 30/06/2023:

+ *Handling charge of import cargoes:* **265.100 VNĐ/RT**

+ *Handling charge of export cargoes:* **196.350 VNĐ/RT**

❖ From 01/07/2023 until 31/12/2023:

+ *Handling charge of import cargoes:* **291.500 VNĐ/RT**

+ *Handling charge of export cargoes:* **226.600 VNĐ/RT**

+ *Handling charge of export cargoes, droffed off at Cai mep Port zone (BR-VT):*  
**236.500 VNĐ/RT**

#### **➤ Handling of LCL dangerous goods:**

- *Handling charge of import cargoes:* **Increase 50% compared to handling charge of normal cargoes**

- *Handling charge of export cargoes at Cat Lai Port/ Cai Mep Ports (BR-VT):* **Increase 50% compared to handling charge of normal cargoes**

### **3. Storage charges:**

➤ **For import cargoes:**

**For dangerous cargoes (group 1):** (which are allowed to store in warehouse within 3 days) including: Class 2.1; 2.3; 3.1; 5.2; 6.1; 6.2; Flammable goods labeled as “explosive” in class 4.1; 4.3; Ammonium Nitrate in class 5.1; Acid Nitric (50% Vol.) in class 8; Polychlorinated biphenyls in class 9.

-First 03 days (start from the date of delivering into warehouse): **VND 30.000 /RT-day**  
-From the 04<sup>th</sup> day onwards : **VND 150.000 /RT-day**

**For dangerous cargoes (group 2):**

-First 04 days (start from the date of delivering into warehouse): **VND 30.000 /RT-day**  
-From the 5<sup>th</sup> day to the end of the 7<sup>th</sup> day : **VND 90.000 /RT-day**  
-From the 8<sup>th</sup> day to the end of the 10<sup>th</sup> : **VND 120.000 /RT-day**  
-From the 11<sup>th</sup> day onward : **VND 150.000 /RT-day**

➤ **For export cargoes:**

**For dangerous cargoes (group 1):** (which are allowed to store in warehouse within 3 days) including: Class 2.1; 2.3; 3.1; 5.2; 6.1; 6.2; Flammable goods labeled as “explosive” in class 4.1; 4.3; Ammonium Nitrate in class 5.1; Acid Nitric (50% Vol.) in class 8; Polychlorinated biphenyls in class 9.

First 03 days (start from the date of delivering into warehouse): **VND 10.000/RT-day**  
From the 04<sup>th</sup> day onwards : **VND 50.000 /RT-day**

**For dangerous cargoes ( group 2):**

First 04 days (start from the date of delivering into warehouse): **VND 10.000 /RT-day**  
From the 5<sup>th</sup> day to the end of the 7<sup>th</sup> day : **VND 30.000 /RT-day**  
From the 8<sup>th</sup> day to the end of the 10<sup>th</sup> : **VND 40.000 /RT-day**  
From the 11<sup>th</sup> day onward : **VND 50.000 /RT-day**

**\* Remarks:**

- The above service tariffs are **inclusive of VAT.**
- If any circumstance arises out of contract, both parties will negotiate on the basis of KVTC’s prevailing service tariffs and of Saigon Newport Corporation  
( Please refer to our website: : [tancangwarehousing.com.vn](http://tancangwarehousing.com.vn); [saigonnewport.com.vn](http://saigonnewport.com.vn))
- The validity of the tariffs: **31<sup>st</sup> December 2023.**

Thanks and Best regards,

**TAN CANG WAREHOUSING JSC.**